

Số: 67/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2020

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho cơ quan nhà nước,
đơn vị sự nghiệp công lập**

Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ làm cơ sở cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tham chiếu trong việc xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 và Điều 9 Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ.

2. Các đơn vị không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được khuyến khích xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ quy định tại Phụ lục Thông tư này.

Điều 3. Quy chế kiểm toán nội bộ

1. Quy chế kiểm toán nội bộ của đơn vị phải bao gồm các nội dung tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 05/2019/NĐ-CP.

2. Các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này tham chiếu mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 Thông tư này để

xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ, đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, các quy định pháp luật hiện hành và cơ cấu tổ chức, hoạt động của đơn vị.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính (Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán) để xem xét, hướng dẫn. / *idh*

Nơi nhận: *idh*

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TƯ về phòng chống tham nhũng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính, UBCKNN;
- Lưu: VT, QLKT (20)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục số 01

*Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2020
của Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp
dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập*

QUY CHẾ MẪU

**ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ,
CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

**QUY CHẾ
KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

(Tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)

..., ngày ... tháng ... năm 20..

QUY CHẾ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

(Tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)

(Ban hành theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm của [Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ])

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về mục tiêu, phạm vi hoạt động, vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm toán nội bộ trong Bộ (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ) và mối quan hệ với các bộ phận khác bao gồm cả phạm vi và cách thức cung cấp thông tin phục vụ kiểm toán; trong đó có các yêu cầu về tính độc lập, khách quan, các nguyên tắc cơ bản, yêu cầu về trình độ chuyên môn, việc đảm bảo chất lượng của kiểm toán nội bộ và các nội dung có liên quan khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho hoạt động kiểm toán nội bộ đối với tất cả các lĩnh vực của (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ).

2. Quy chế này áp dụng cho bộ phận kiểm toán nội bộ, tất cả các cá nhân của bộ phận kiểm toán nội bộ của (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ) và các tổ chức, cá nhân trong (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ) có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kiểm toán nội bộ: Kiểm toán nội bộ là việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ.

2. Bộ phận kiểm toán nội bộ: Là vụ, cục, ban, phòng hoặc một bộ phận trực thuộc phòng/ban phụ trách hoạt động kiểm toán nội bộ của (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ).

3. Người làm công tác kiểm toán nội bộ: Là người thực hiện công tác kiểm toán nội bộ thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ của (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ).

4. Người phụ trách kiểm toán nội bộ: Là người được cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định của (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ) giao phụ trách công tác kiểm toán nội bộ của (tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ).

5. Người có liên quan của người làm công tác kiểm toán nội bộ: Là bố dẻ, mẹ dẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con dẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu.

Điều 4. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ

Thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung sau đây:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ của *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)* đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)*.
2. Các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)* đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao.
3. Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)* đạt được.

Điều 5. Vị trí của kiểm toán nội bộ

1. *[Miêu tả vị trí của Bộ phận kiểm toán nội bộ trong đơn vị].*

Ví dụ 1: Kiểm toán nội bộ của *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)* là Vụ/Cục kiểm toán nội bộ trực thuộc *tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ*.

Ví dụ 2: Kiểm toán nội bộ của *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)* là Phòng/Ban *(tên Phòng/Ban)* thuộc Vụ/Cục *(tên Vụ/Cục)* trực thuộc *tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ*.

Ví dụ 3: Kiểm toán nội bộ của *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)* là một bộ phận thuộc Phòng/ban *(tên Phòng/ban)* thuộc Vụ/Cục *(tên Vụ/Cục)* trực thuộc *(tên Bộ/Cơ quan ngang bộ/Cơ quan thuộc chính phủ)*.

...

2. Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quản lý trực tiếp về mặt chuyên môn của bộ phận kiểm toán nội bộ, đảm bảo tính độc lập về mặt chuyên môn với các bộ phận khác. Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thể uỷ quyền cho Thứ trưởng/Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quản lý về các vấn đề hành chính của bộ phận kiểm toán nội bộ.

Nhiệm vụ, quyền hạn về kiểm toán nội bộ của đơn vị quản lý bộ phận kiểm toán nội bộ do Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ/Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định.